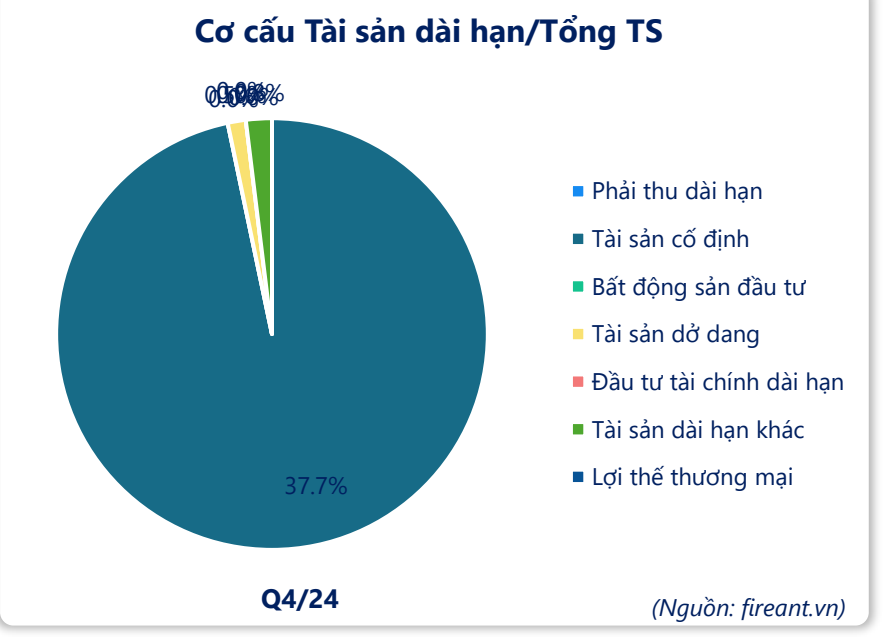
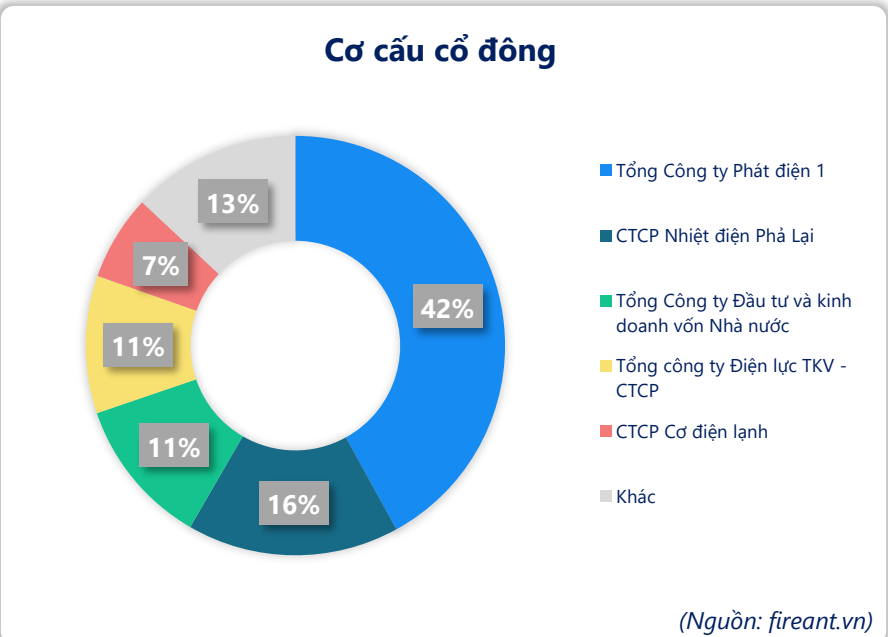
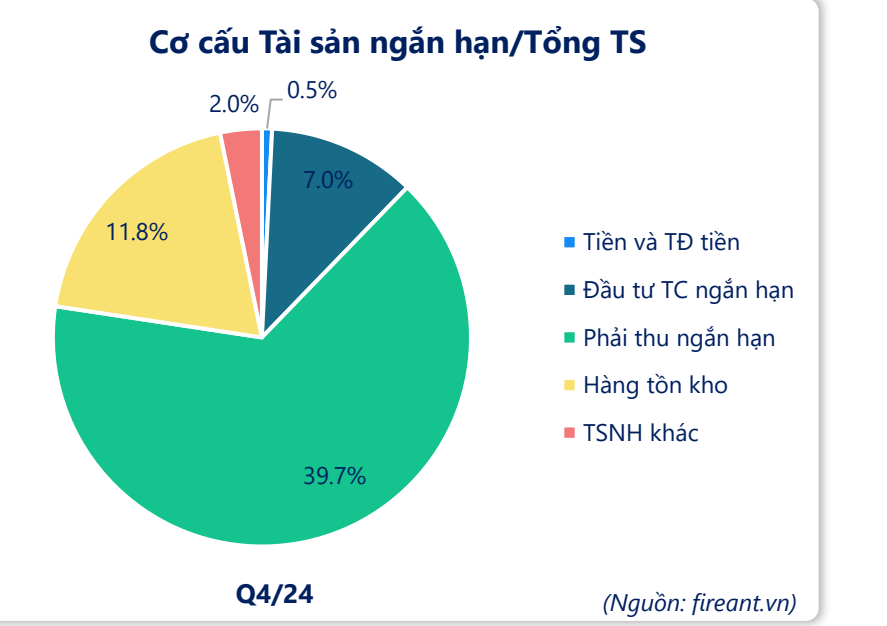
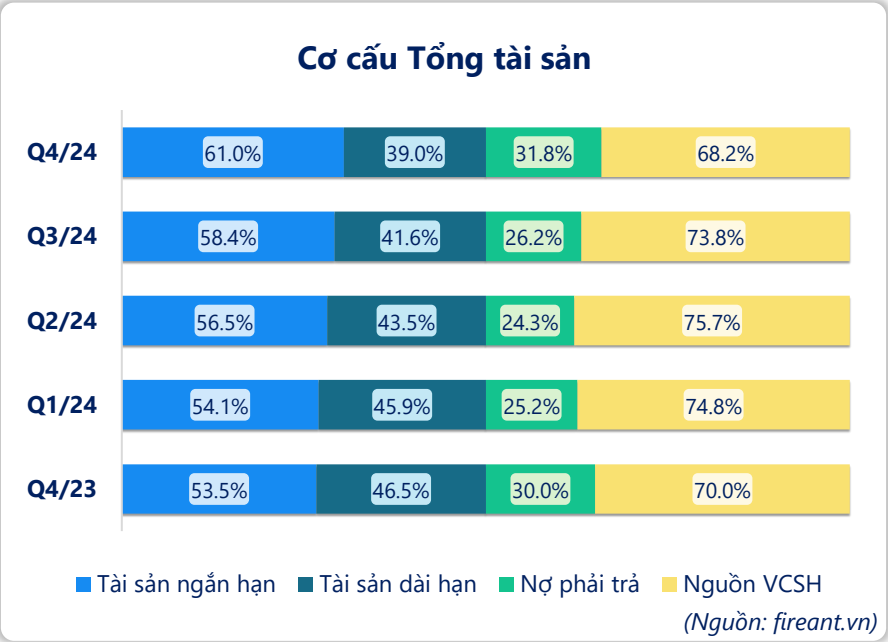
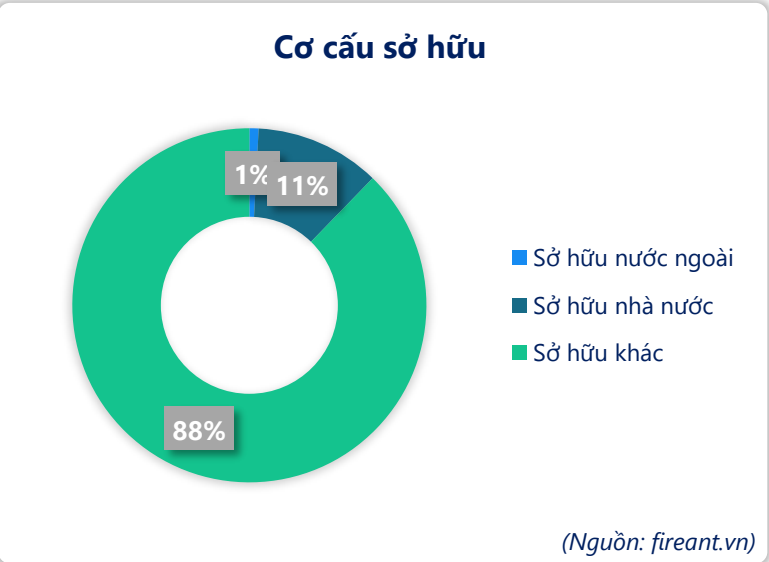
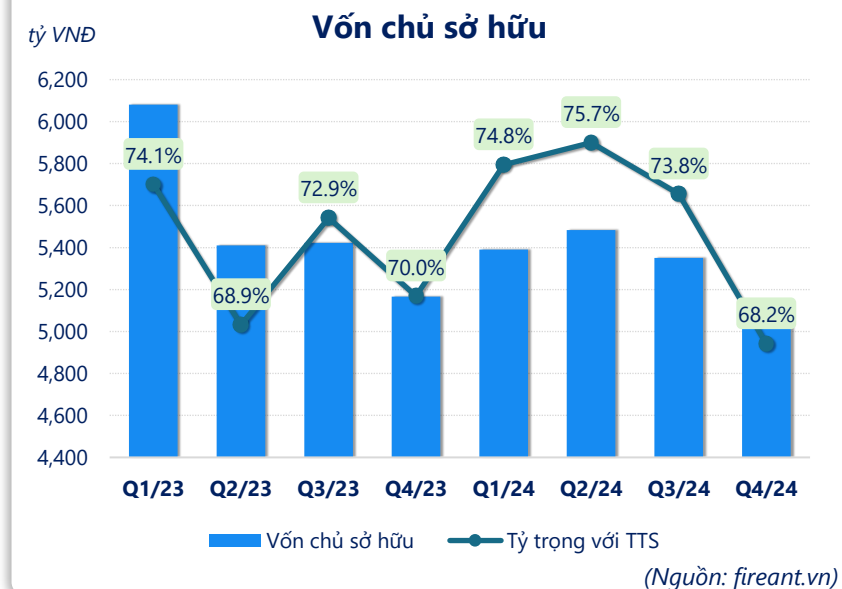
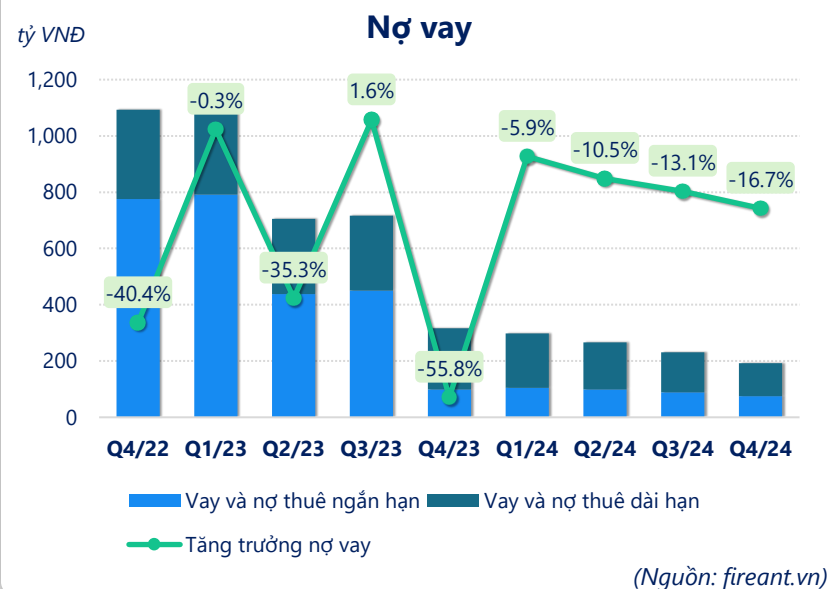
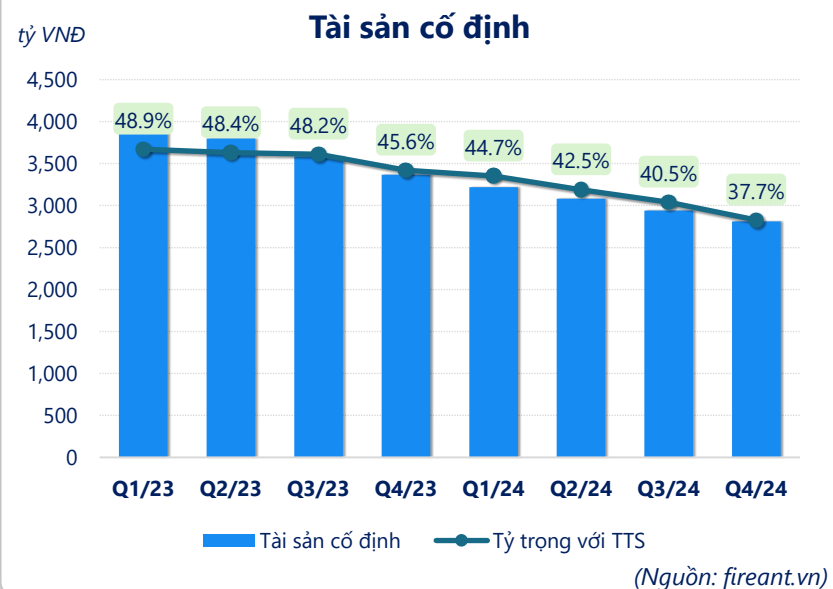
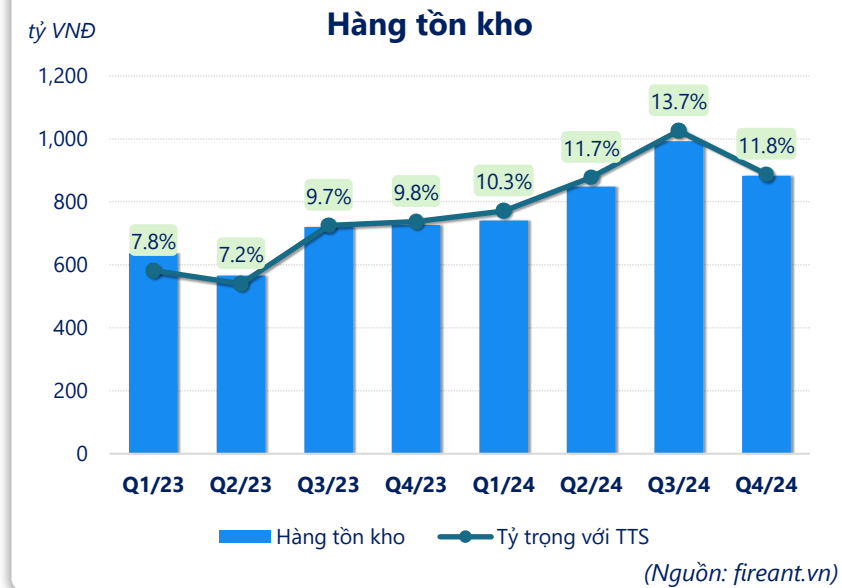
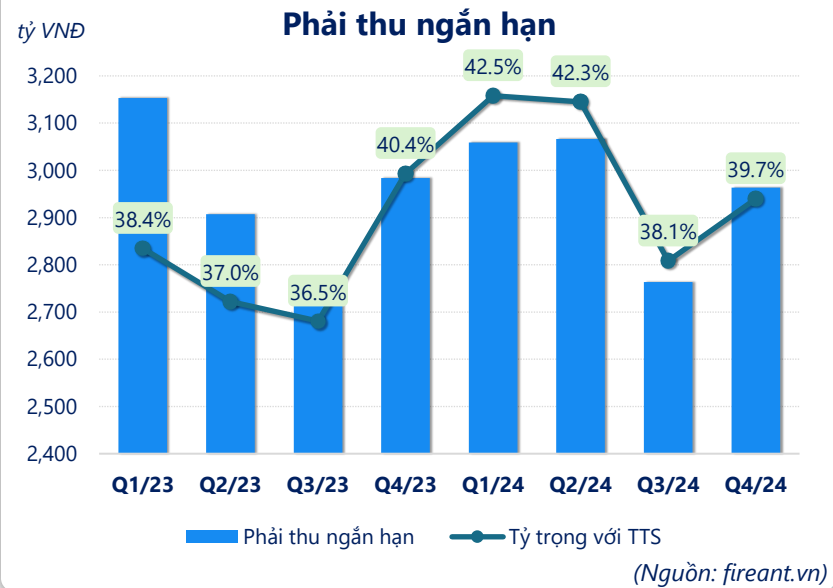
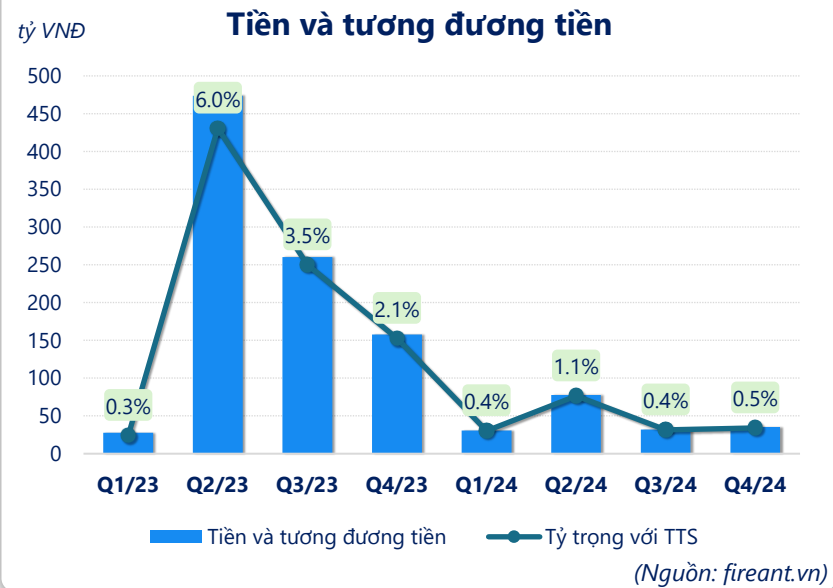
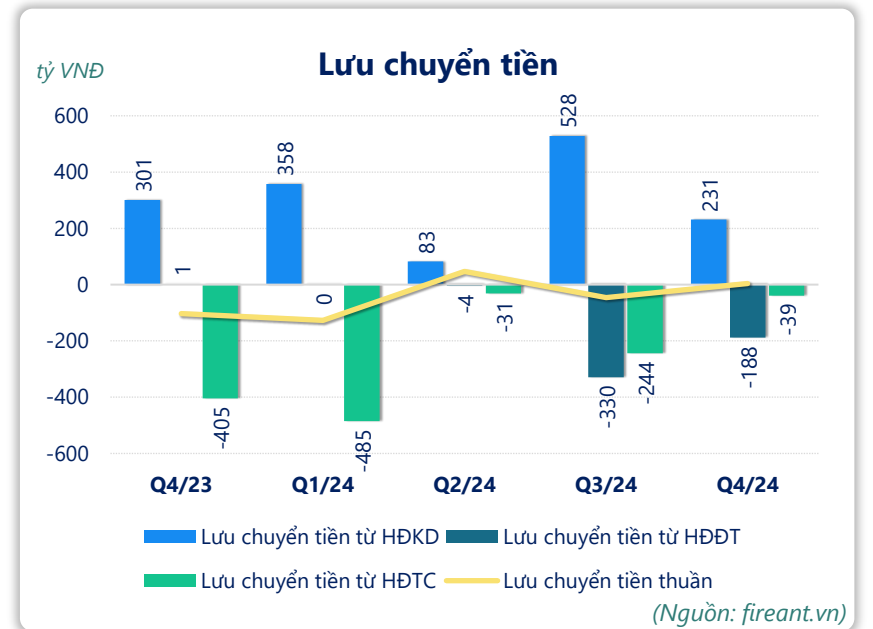
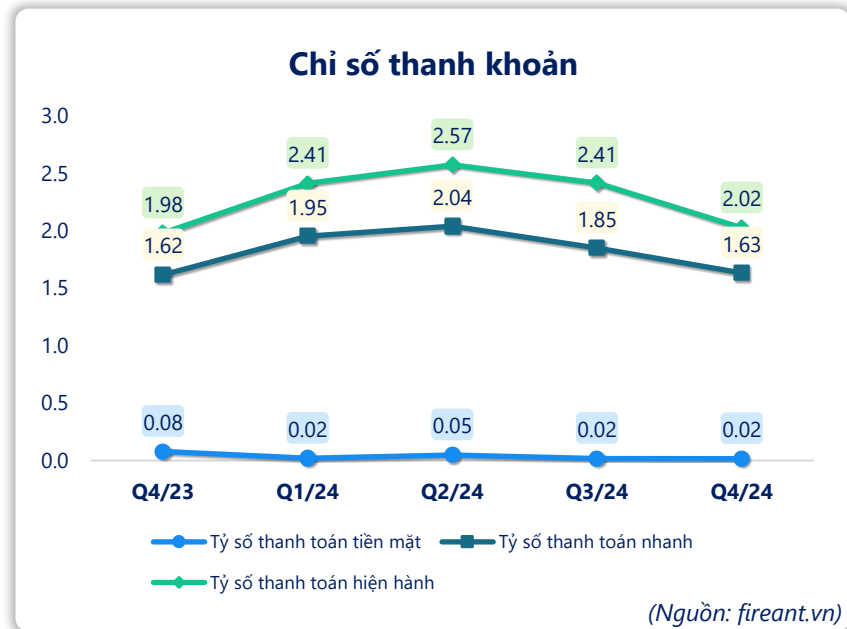
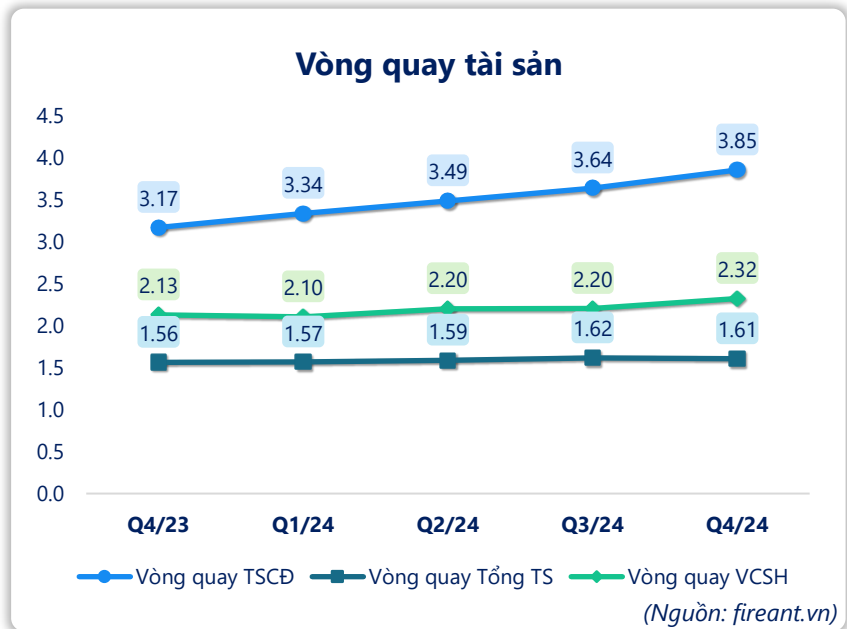
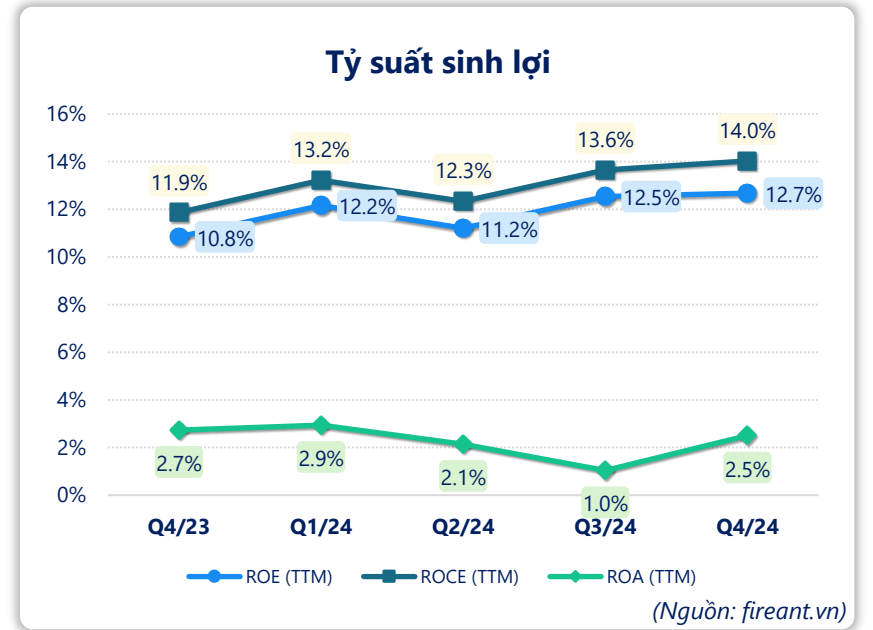
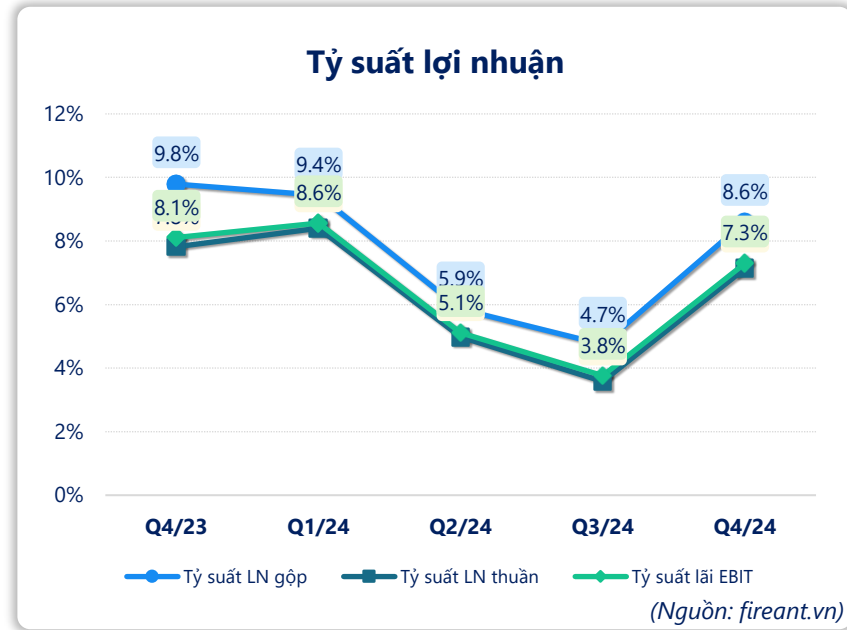
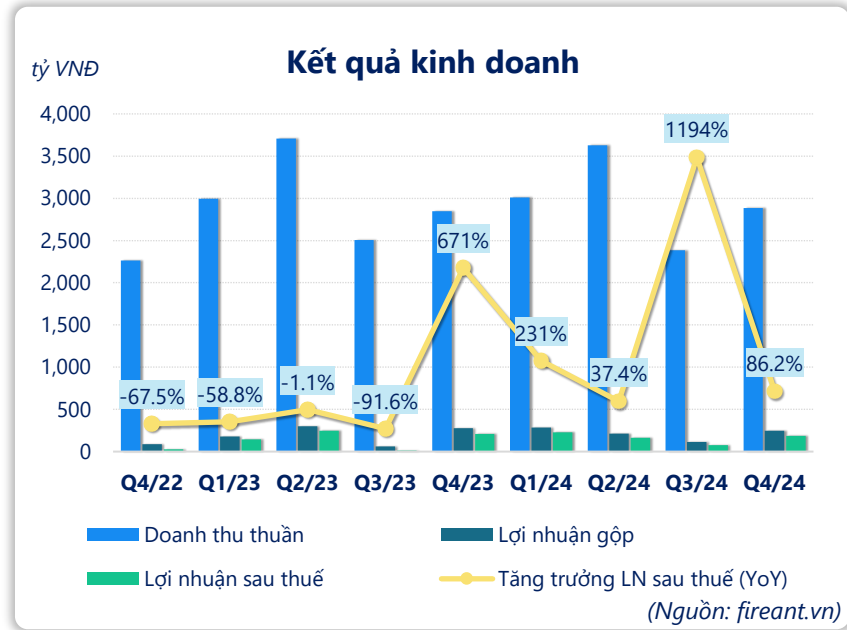


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,755
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,582
SL cổ phiếu LH		450,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		345,255
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,300
P/E		9.7
EPS		1,444

	YTD	1T	3T	6T
QTP		7.3%	6.5%	-6.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	7,456	7,380	1.0%
Tài sản ngắn hạn	4,549	3,944	15.3%
Tiền và tương đương tiền	35.5	158	-77.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	522	1.50	34667%
Phải thu ngắn hạn	2,964	2,984	-0.7%
Hàng tồn kho	882	724	21.9%
Tài sản ngắn hạn khác	146	77.4	88.7%
Tài sản dài hạn	2,907	3,436	-15.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2,811	3,367	-16.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.3	6.02	553%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	56.4	62.7	-10.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,370	2,087	13.5%
Nợ ngắn hạn	2,248	1,865	20.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	75.0	98.5	-23.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,435	1,159	23.8%
Nợ dài hạn	123	223	-44.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	118	218	-45.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,086	5,292	-3.9%
Vốn chủ sở hữu	5,086	5,292	-3.9%
Vốn điều lệ	4,500	4,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	2,847	3,010	3,628	2,386	2,884
Giá vốn hàng bán	2,568	2,726	3,416	2,273	2,636
Lợi nhuận gộp	279	284	212	113	248
Doanh thu HĐTC	2.51	0.14	0.11	0.86	5.42
Chi phí TC	13.2	8.57	6.74	3.16	6.48
Chi phí lãi vay	9.05	6.03	5.38	5.13	4.28
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	45.5	22.7	25.2	25.4	41.3
LN thuần từ HĐKD	223	253	181	85.5	206
Lợi nhuận khác	-0.84	-1.16	-0.67	-0.85	0.40
LN trước thuế	222	252	180	84.6	206
Lợi nhuận sau thuế	211	227	162	76.1	185
LNST của CĐ cty mẹ	211	227	162	76.1	185

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	301	358	82.6	528	231
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.29	-0.38	-4.42	-330	-188
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-405	-485	-31.3	-244	-38.9
Tiền đầu kỳ	260	158	30.7	77.5	31.9
Lưu chuyển tiền thuần	-103	-127	46.8	-45.6	3.61
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	158	30.7	77.5	31.9	35.5

(Nguồn: fireant.vn)